



Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)
Dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

Tăng cường tác động của việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với công tác quản lý rừng ở xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Yamamoto Wataru: Chuyên gia giám sát Phát triển sinh kế/Quản lý rừng Dự án SNRM
Phạm Văn Hùng: Điều phối viên Dự án SNRM tại tỉnh Sơn La
Vũ Văn Tuân: Cán bộ quản lý rừng Dự án SNRM tại tỉnh Sơn La
Vũ Đình Thắng: Cán bộ phát triển sinh kế Dự án SNRM tại tỉnh Sơn La
Naito Chihiro: Chuyên gia quản lý rừng Dự án SNRM

Tháng 6 năm 2020

Nghiên cứu trường hợp điển hình này được thực hiện trong khuôn khổ của Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (sau đây gọi tắt là Dự án) do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thực hiện từ năm 2015 đến 2020.

Các quan điểm thể hiện trong nghiên cứu trường hợp này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của SNRM hoặc JICA.

JICA / SNRM khuyến khích tái bản và phổ biến tài liệu nghiên cứu trường hợp điển hình này. Việc sử dụng cho mục đích phi thương mại sẽ được ủy quyền miễn phí theo yêu cầu. Việc tái bản cho mục đích thương mại, vui lòng liên hệ với JICA / Dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững để có thỏa thuận trước và cụ thể.

Mọi yêu cầu xin liên hệ với:

Cán bộ phụ trách các dự án/chương trình lâm nghiệp
Văn phòng JICA Việt Nam
Tầng 11, tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: + 84-4-3831-5005
Số fax: + 84-4-3831-5009

Mục lục

Tóm tắt	1
1. Giới thiệu	1
2. Phương pháp và cách tiếp cận.....	2
3. Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La	2
4. Các hoạt động thí điểm REDD+ của Dự án SNRM	4
5. Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại tỉnh Sơn La.....	7
6. Bài học kinh nghiệm	13
7. Kết luận.....	16

Các từ viết tắt

BQL	Ban quản lý
BQLRPTSK	Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
KHHĐ	Kế hoạch hành động
QCQLR	Quy chế quản lý rừng
REDD+	Giảm phát thải khí nhà kính do suy thoái rừng và mất rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon tại các nước đang phát triển
SNRM	Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
UBND	Ủy ban nhân dân

Tăng cường tác động của việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với công tác quản lý rừng ở xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Tổng quan

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) được thực hiện tại Việt Nam từ năm 2008 nhằm khuyến khích các cá nhân và cộng đồng tăng cường thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng bền vững [1]. Theo Kế hoạch hành động (KHHĐ) cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La, tiền chi trả DVMTR là nguồn kinh phí duy nhất được dùng để chi cho hoạt động bảo vệ rừng [2], điều đó cho thấy vai trò quan trọng của nguồn kinh phí này trong quản lý rừng. UBND tỉnh Sơn La đã ban hành hướng dẫn, trong đó quy định sử dụng 40% quỹ chi trả DVMTR cho quản lý rừng. Tuy nhiên, do có nhiều khó khăn trong việc kết nối giữa bên cung cấp DVMTR và bên mua dịch vụ này nên những tác động của chi trả DVMTR đối với quản lý rừng là chưa rõ nét [3].

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững¹ do JICA tài trợ đã hỗ trợ thành lập Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp bản (BQLRPTSK) nhằm thúc đẩy thực hiện hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế, thành lập quỹ bản và xây dựng các mô hình trình diễn về sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững. Mục tiêu của tài liệu nghiên cứu này là đưa ra các đánh giá tác động của việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR đối với việc tăng cường quản lý rừng dựa trên kinh nghiệm của Dự án SNRM tại xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Dự án nhận thấy rằng BQLRPTSK cấp bản hoạt động hiệu quả khi có sự lồng ghép giữa quỹ bản với nguồn tiền chi trả DVMTR. Mặc dù cơ chế sử dụng tiền DVMTR vẫn chưa hoàn thiện, nhưng có tiềm năng về việc nguồn tiền này sẽ có thể tạo các tác động lớn hơn nữa đối với công tác quản lý rừng của địa phương.

Để nguồn tiền chi trả DVMTR có thể tạo ra các tác động lớn hơn đối với công tác quản lý rừng, cần thiết phải có sự tăng cường đánh giá hiện trạng rừng, chi trả định kỳ tiền DVMTR, áp dụng cơ chế chi trả DVMTR và giới thiệu các mô hình, hình thức sử dụng đất luân canh ngắn ngày có giá trị cao và chi phí thấp cho người dân.

1. Giới thiệu

Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện tại Việt Nam từ năm 2008 nhằm mục đích khuyến khích các cá nhân và cộng đồng tăng cường thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ

¹ Dự án SNRM gồm bốn hợp phần: 1) Hỗ trợ chính sách, 2) Quản lý rừng bền vững và REDD+ tại bốn tỉnh Tây Bắc, 3) Đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và 4) Chia sẻ kiến thức. Tài liệu nghiên cứu này được xây dựng dựa trên những thông tin, phát hiện chính từ hợp phần 2 của Dự án được thực hiện tại tỉnh Sơn La (Hỗ trợ xây dựng, thực hiện KHHĐ cấp tỉnh về REDD+ và các hoạt động thí điểm không bao gồm xây dựng hệ thống theo dõi giám sát tài nguyên rừng cấp tỉnh).

rừng bền vững [1]. Căn cứ theo KHHD cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La, quỹ DVMTR là nguồn quỹ duy nhất được sử dụng để chi trả cho các hoạt động bảo vệ rừng [2], điều đó cho thấy vai trò quan trọng của quỹ chi trả DVMTR trong công tác bảo vệ rừng. UBND tỉnh Sơn La đã ban hành hướng dẫn, trong đó quy định sử dụng 40% quỹ chi trả DVMTR cho quản lý rừng. Tuy nhiên, do chưa có sự kết nối giữa người cung cấp và người mua DVMTR nên cần có sự can thiệp ở nhiều cấp độ khác nhau để loại bỏ các rào cản hiện có.

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững do JICA tài trợ đã thực hiện các hoạt động của Dự án tại tỉnh Sơn La từ năm 2016, trong đó có hoạt động hỗ trợ thành lập BQLRPTSK cấp bản nhằm thúc đẩy quản lý rừng và phát triển sinh kế, thành lập quỹ bản để quản lý hiệu quả nguồn tiền chi trả DVMTR.

Mục tiêu của tài liệu nghiên cứu trường hợp điển hình này là đưa ra các đánh giá tác động của chính sách chi trả DVMTR đối với việc tăng cường quản lý rừng dựa trên kinh nghiệm của Dự án SNRM tại xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Phần đầu của tài liệu nghiên cứu này đưa ra những đánh giá đối với nội dung và ngân sách của KHHD cấp tỉnh về REDD+ liên quan đến chi trả DVMTR. Tiếp đó, nghiên cứu cũng nêu ra những nội dung thảo luận giữa Dự án SNRM với BQLRPTSK về việc tối ưu hóa nguồn tiền chi trả DVMTR, các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế do Dự án hỗ trợ. Hiện trạng và công tác phân bổ tiền chi trả DVMTR cho các khu rừng đạt đủ điều kiện được thanh toán tiền dịch vụ, tình hình thu và chi của quỹ bản kết hợp với nguồn tiền chi trả DVMTR tại các bản mục tiêu của Dự án cũng được phân tích trong tài liệu nghiên cứu này.

2. Phương pháp và cách tiếp cận

Tài liệu nghiên cứu này nêu ra những phát hiện về các hoạt động hỗ trợ thực hiện REDD+ được thực hiện bởi Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững do JICA tài trợ. Các hoạt động của Dự án ở cấp bản tại tỉnh Sơn La được bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 7 năm 2020. Dự án được thực hiện tại Sơn La đã hỗ trợ 1) Xây dựng KHHD cấp tỉnh về REDD+ và 2) Thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ bao gồm thành lập BQLRPTSK cấp bản (ban quản lý rừng cấp bản, xây dựng hương ước bảo vệ rừng, tổ tuần tra bảo vệ rừng, giới thiệu bếp đun cải tiến, mô hình nông lâm kết hợp, làm giàu rừng tự nhiên, trồng cây ăn quả, trồng rau, v.v.). Các cuộc họp bản, các cuộc phỏng vấn với trưởng bản, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân, khảo sát thực địa đã được Dự án thực hiện, ngoài ra còn nhận được sự chia sẻ các dữ liệu cần thiết và phối hợp của Sở NN & PTNT tỉnh Sơn La, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Quỳnh Nhai, Hạt Kiểm lâm huyện Quỳnh Nhai, và UBND xã Mường Giôn trong suốt quá trình thực hiện Dự án SNRM tại địa phương.

3. Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La

Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La được xây dựng vào năm 2017 với hai hợp phần: 1) Các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng và 2) Sáu gói giải pháp với 20 giải pháp cụ thể (Bảng 1, [2])².

Bảng 1: Các hoạt động và giải pháp của Kế hoạch hành động cấp tỉnh về REDD+ tỉnh Sơn La, giai đoạn 2017-2020

Hạng mục	Hoạt động và giải pháp
Hợp phần 1: Hoạt động bảo vệ và phát triển rừng	
1. Bảo vệ rừng	- Hợp đồng bảo vệ rừng - Phòng chống cháy rừng
2. Phát triển rừng	- Trồng rừng - Khoanh nuôi tái sinh rừng
3. Các hoạt động liên quan khác	- Trồng cây phân tán
Hợp phần 2: Gói giải pháp	
1. Nâng cao hiệu quả trồng rừng	- Đảm bảo đúng kỹ thuật trong trồng và chăm sóc cây rừng - Đảm bảo rằng cây giống có chất lượng cao và phù hợp với điều kiện khu vực trồng rừng - Cải thiện quản lý khai thác gỗ và trồng lại rừng (rừng sản xuất) - Hỗ trợ cải thiện thị trường gỗ rừng trồng. - Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh
2. Thúc đẩy bảo vệ rừng và sử dụng bền vững tài nguyên rừng	- Thúc đẩy việc sử dụng các vật liệu thay thế và công nghệ tiên tiến (tiết kiệm năng lượng) - Phát triển và tăng cường quản lý rừng cộng đồng - Tăng cường thực thi pháp luật - Cải thiện hiệu quả của hoạt động nâng cao nhận thức và truyền thông về lợi ích của rừng cho người dân địa phương - Nâng cao năng lực của người dân địa phương trong chăm sóc, quản lý rừng - Cải thiện sinh kế gắn sản xuất lâm nghiệp, nông lâm kết hợp cho người dân địa phương
3. Kiểm soát cháy rừng	- Kiểm soát việc sử dụng lửa trong canh tác nương rẫy. - Tăng cường hợp tác và phối hợp phòng chống cháy nổ ở khu vực biên giới - Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy
4. Kiểm soát chuyển đổi rừng thành nương rẫy	- Nâng cao sinh kế gắn với sản xuất nông nghiệp cho người dân địa phương - Giải quyết các vấn đề thiếu tính thực tế về quy hoạch sử dụng đất, giao đất giao rừng
5. Giảm thiểu tác động của việc chuyển đổi rừng sang mục đích sử dụng khác (xây dựng nhà máy thủy điện, xây	- Nâng cao hiệu quả chất lượng của công tác trồng rừng thay thế - Tăng cường bảo vệ rừng liền kề với các khu vực mới bị chuyển đổi

² Bộ NN & PTNT. 2015. Quyết định phê duyệt hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động cấp tỉnh về giảm phát thải khí nhà kính thông qua các nỗ lực giảm phá rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các-bon rừng (REDD+) số 5414/QĐ-BNN-TCLN.

dựng đường bộ, v.v.)	
6. Gói giải pháp được thực hiện chung trên toàn tỉnh	- Cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng của tỉnh - Thực hiện nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực về REDD+ +

Nguồn: [2] UBND tỉnh Sơn La. (2017)

Ngân sách thực hiện KHHĐ cấp tỉnh về REDD+

Căn cứ vào ngân sách thực hiện KHHĐ cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La, tiền chi trả DVMTR chiếm 28% tổng ngân sách và lớn gấp đôi phần ngân sách Nhà nước phân bổ cho bảo vệ và phát triển rừng (bảo vệ rừng dùng 100% tiền trích từ quỹ chi trả DVMTR và kiểm soát cháy rừng dùng 78% tiền trích từ quỹ chi trả DVMTR). Quỹ chi trả DVMTR đã được lên kế hoạch phân bổ cho bảo vệ rừng và kiểm soát cháy rừng (Bảng 2).

Bảng 2: Ngân sách thực hiện KHHĐ cấp tỉnh REDD+ của tỉnh Sơn La, giai đoạn 2017-2020

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Hạng mục	Chi trả DVMTR	Nguồn vốn khác					Tổng cộng
			Nhà nước	Địa phương	Tư nhân	Cộng đồng địa phương	Khác	
Hợp phần 1		20.395	29.580	2.370	102.776	0	0	155.121
1	Bảo vệ rừng	20.395	0	0	0	0	0	20.395
2	Trồng và chăm sóc rừng cho phòng hộ và đặc dụng	0	25.688	0	0	0	0	25.688
3	Trồng và chăm sóc rừng sản xuất	0	3.893	0	0	0	0	3.893
4	Trồng rừng thay thế	0	0	0	102.776	0	0	102.776
5	Trồng cây phân tán	0	0	2.370	0	0	0	2.370
Hợp phần 2		40.000	557	15.838	4.000	0	2.580	62.975
1	Tăng cường hiệu quả trồng rừng	0	557	2.373	4.000	0	870	7.800
2	Thúc đẩy quản lý tài nguyên rừng bền vững	0	0	749	0	0	1.470	2.219
3	Kiểm soát cháy rừng	40.000	0	11.086	0	0	0	51.086
4	Kiểm soát chuyển đổi đất rừng sang nương rẫy	0	0	1.600	0	0	0	1.600
5	Giải pháp chung cho toàn tỉnh	0	0	30	0	0	240	270
Tổng cộng		60.395	30.137	18.208	106.776	0	2.580	218.096
Tỷ lệ		27,69	13,82	8,35	48,96	-	1,18	100,00

Ghi chú: Dừng xây dựng dự án vốn vay JICA 3.

Nguồn: [2] UBND tỉnh Sơn La. (2017)

4. Các hoạt động thí điểm REDD+ của Dự án SNRM

Các hoạt động thí điểm REDD+ của Dự án SNRM đã được thực hiện tại 13 bản thuộc xã Mường Giôn từ tháng 8/2016. 13 bản mục tiêu được lựa chọn do diện tích đất lâm nghiệp của các bản này không có tranh chấp với các bản xung quanh.

Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản (BQLRPTSK)

Ở mỗi bản, để quản lý bền vững diện tích đất lâm nghiệp được giao cho bản và các hộ gia đình thông qua việc thúc đẩy các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế, BQLRPTSK đã được thành lập thông qua ba vòng họp bản (tổng số thành viên BQLRPTSK là 69 người, trong đó có 36% là phụ nữ). BQLRPTSK hoạt động với nội quy, quy chế được UBND xã phê duyệt. Các nhiệm vụ và trách nhiệm của BQLRPTSK như sau:

1. Thúc đẩy lập kế hoạch, thực hiện và giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế ở các bản
2. Xây dựng các hương ước về sử dụng tài nguyên rừng ở các bản và đảm bảo rằng tất cả người dân tuân thủ theo các hương ước này
3. Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý rừng
4. Thành lập tổ tuần tra rừng bảo vệ rừng cấp bản
5. Thành lập các nhóm sở thích (ví dụ: nhóm trồng cây ăn quả, nhóm trồng rau, v.v.)
6. Đảm bảo rằng các hoạt động phát triển sinh kế được thực hiện theo các kế hoạch và quy định hiện hành và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật.
7. Thành lập, quản lý và vận hành quỹ bản phục vụ cho mục đích quản lý rừng
8. Phối hợp với tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản và UBND xã để xử lý các vi phạm căn cứ theo các quy định hiện hành và hương ước về quản lý rừng và phát triển sinh kế.
9. Phối hợp với kiểm lâm và UBND xã để thực hiện quản lý rừng và các hoạt động phát triển sinh kế thôn bản.

Hương ước bảo vệ rừng cấp bản

Trước khi thực hiện Dự án, tất cả các bản đều có hương ước bảo vệ rừng và tổ tuần tra bảo vệ rừng³ nhưng điều kiện không giống nhau. Dự án đã hỗ trợ xây dựng hương ước bảo vệ rừng với bốn chương và 12 điều quy định trách nhiệm của BQLRPTSK và tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản, đồng thời lồng ghép vào hương ước chung của bản; hiện một số nội dung quan trọng của các hương ước này đã được quảng bá trên áp-phích ở một số bản. Hương ước bảo vệ rừng của các bản mục tiêu của Dự án được cập nhật hàng năm.

Hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững/canh tác sử dụng đất

Dự án đã hỗ trợ thực hiện các hoạt động quản lý rừng (bảo vệ rừng, trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung) và chín loại hoạt động phát triển sinh kế thông qua BQLRPTSK (Bảng 3). Tập huấn kỹ thuật và tài liệu được cung cấp cho hộ dân tham gia và những hộ dân này có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ bản.

Bảng 3: Mô hình canh tác sử dụng đất bền vững do Dự án giới thiệu

Hoạt động	Số bản	Quy mô	Hỗ trợ của Dự án
Quản lý rừng			
Bảo vệ rừng	12	159 hộ 5.027 ha	Thành lập, tái thành lập tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản hoạt động dưới sự điều phối của kiểm lâm viên cấp xã

³ Để lồng ghép công tác phòng chống cháy rừng vào các hoạt động được thực hiện trên toàn tỉnh, 1.850 tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp thôn bản đã được thành lập vào năm 2015 (UBND tỉnh Sơn La, năm 2017).

			Xây dựng bản đồ tuyến đường tuần tra rừng
Trồng rừng	4	165 ha thông mã vĩ	Thiết kế rừng trồng Tập huấn cho người dân Kiểm tra và giám sát
Khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung	10	295,4 ha	Khảo sát thiết kế khoanh nuôi tái sinh rừng Lắp đặt bảng hiệu và cột mốc ranh giới dọc theo khu vực được phân định Tập huấn cho người dân Kiểm tra và giám sát
Phát triển sinh kế			
Trồng rau	12	451 hộ	Tập huấn kỹ thuật trồng rau Hỗ trợ cây giống cho người dân trong 2 vụ trồng rau
Trồng cây ăn quả	12 (5 ghép cải tạo)	557 hộ (27 ghép cải tạo)	Tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả (bao gồm cả kỹ thuật ghép cải tạo) Hỗ trợ cây giống, tham quan học tập về trồng và ghép cải tạo cây ăn quả
Ủ phân hữu cơ	10	239 hộ	Tập huấn kỹ thuật bao gồm tổ chức tham quan học tập và cung cấp vật tư ủ phân
Trồng cỏ chăn nuôi	9	249 hộ	Tập huấn kỹ thuật bao gồm tham quan học tập, hỗ trợ hom giống/hạt giống, cấm biển hiệu
Bếp đun cải tiến	13	579 hộ	Hỗ trợ thiết kế, cung cấp khuôn, tập huấn kỹ thuật và cung cấp nguyên vật liệu đầu vào để làm bếp
Lắp đặt hầm biogas hộ gia đình	1	2 hộ	Tổ chức thăm quan mô hình khí ga sinh học Tập huấn lắp đặt và bảo dưỡng bếp khí ga sinh học Hỗ trợ 50% chi phí mua vật liệu
Canh tác theo đường đồng mức/ Nông lâm kết hợp	11	72 hộ	Hỗ trợ thiết kế, tập huấn kỹ thuật, cung cấp cây và hạt giống 15 mô hình: - Sơn tra ghép + cỏ Ghi-nê + ngô; Sơn tra + Đào; Nhãn ghép chín muộn + mận + cỏ Ghi-nê + Ngô; Nhãn ghép chín muộn + Bưởi + Đậu tương; Nhãn ghép chín muộn + Xoài ghép Đài Loan + mận + Cỏ Ghi-nê + Sắn; Trám đen ghép + Xoài ghép Đài Loan + Cỏ ghi nê + Đậu tương; Trám đen + Cỏ Ghi- nê + Ngô; Nhãn ghép chín muộn + Xoài ghép Đài Loan + Cỏ Ghi -nê + Ngô; Vải ghép + Xoài ghép Đài Loan + Nhãn ghép chín muộn + Cỏ Ghi-nê + Sắn, Vải + Xoài ghép Đài loan + Nhãn ghép chín muộn + Cỏ Ghi-nê + Ngô.
Trồng cây lâm sản ngoài gỗ	1	1 hộ	Trồng Sa nhân dưới tán cây rừng tự nhiên, nơi có sẵn sa nhân xanh mọc tự nhiên. Tập huấn kỹ thuật, tổ chức thăm quan học tập, hỗ trợ cây giống
Trồng nấm	1	7 hộ	Tập huấn kỹ thuật, tổ chức tham quan học tập Cung cấp vật liệu và trang thiết bị Tiếp cận thị trường

Nguồn: [4] Phạm Văn Hùng. (năm 2019)

5. Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại tỉnh Sơn La

Tổng diện tích đất lâm nghiệp ở Sơn La là 1.037.454 ha (chiếm 70% tổng diện tích tự nhiên) với độ che phủ rừng 42,4% [2]. 97% diện tích đất lâm nghiệp đã được giao khoán[3]. Phần lớn dân số Sơn La là người dân tộc thiểu số, chiếm 75,4%, trong đó người Thái, H'Mông và Mường chiếm lần lượt 54,7%, 13,0% và 8,1% [3].

Sơn La là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước thí điểm thực hiện chính sách chi trả DVMTR kể từ năm 2008. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (BVPTR) tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm quản lý quỹ chi trả DVMTR. Trách nhiệm quản lý này được chuyển giao từ Sở NN & PTNT sang Quỹ BVPTR vào năm 2018. Năm 2018, 106 tỷ đồng tiền DVMTR của năm 2017 đã được chi trả cho 43.000 chủ rừng với tổng diện tích khoảng 560.000 ha (Quỹ BVPTR, thu thập thông tin theo kênh cá nhân).

Tiền DVMTR được chính thức chi trả cho chủ rừng ở xã Mường Giôn từ năm 2014. Các chủ rừng được yêu cầu thành lập tổ tuần tra bảo vệ rừng để thực hiện hoạt động tuần tra bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng⁴. Theo hướng dẫn do UBND tỉnh Sơn La ban hành⁵, ít nhất 40% tổng số tiền thanh toán hàng năm cho dịch vụ môi trường rừng sẽ được sử dụng để chi trả cho việc thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, và phòng chống cháy rừng⁶.

Đối với chủ rừng là các bản và cộng đồng (không phải các tổ chức được Nhà nước giao quản lý rừng). Cụ thể, "Quản lý sử dụng quỹ DVMTR của những người thụ hưởng"⁵ coi chủ rừng là cộng đồng thôn bản.

Hiện trạng rừng đủ điều kiện nhận chi trả DVMTR

Theo kết quả so sánh năm 2015 cho thấy có một sự chênh lệch khá lớn giữa hiện trạng rừng được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt với diện tích rừng nhận được chi trả DVMTR (Hình 1, Bảng 4, chênh lệch 4% tổng diện tích). Tuy nhiên, sự chênh lệch này đã được thu hẹp lại vào năm 2016 và 2017 (gần như tương đồng về diện tích được phê duyệt và diện tích được chi trả thực tế) vì chi trả DVMTR năm 2015 dựa trên kết quả giao đất lâm nghiệp, không dựa trên bản đồ hiện trạng rừng,⁷ nhưng chi trả DVMTR năm 2016 và 2017 được trả dựa trên hiện trạng rừng được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt. Điều này cho thấy sự cải thiện của quy trình kiểm định chất lượng rừng đạt tiêu chuẩn chi trả DVMTR thông qua đánh giá hiện trạng rừng từ năm 2016.

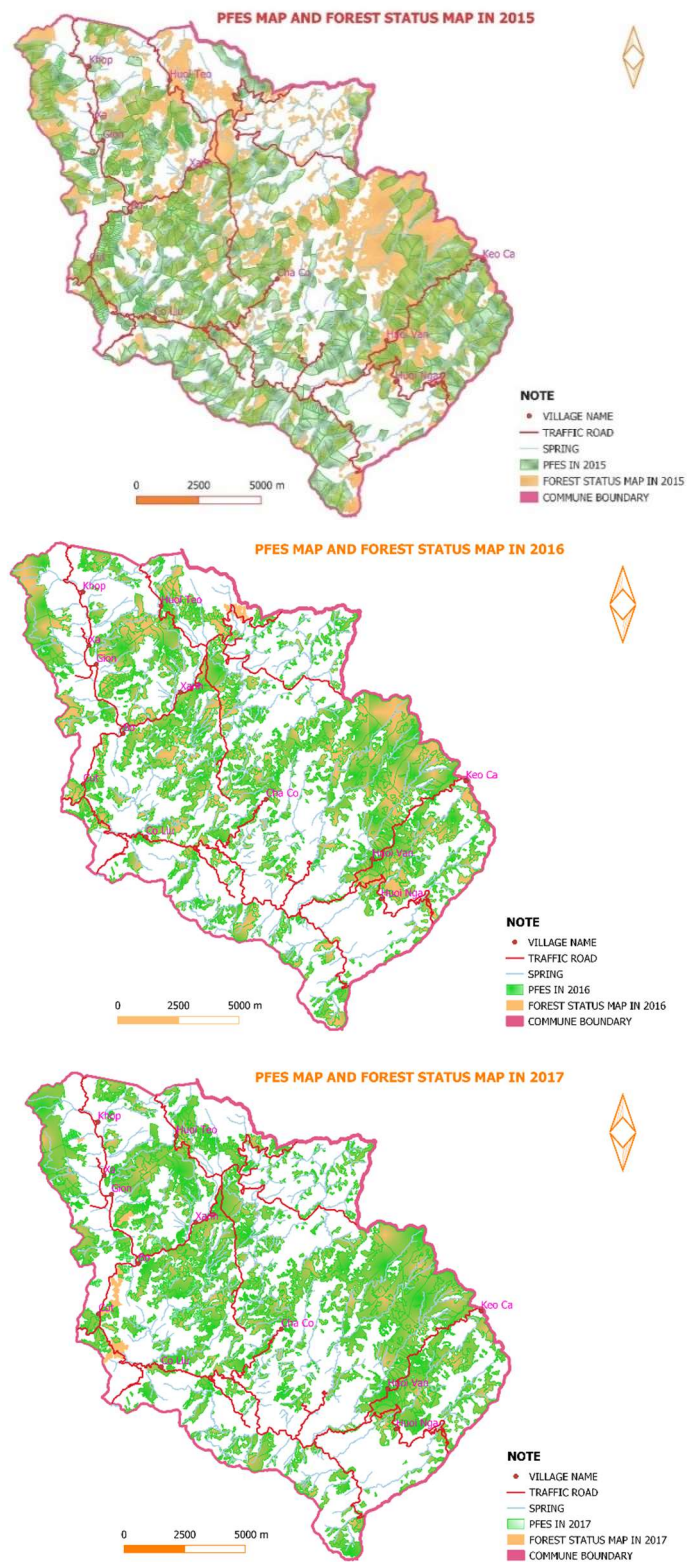
⁴ Nghị định số 09/2006 / ND-CP ngày 16 tháng 1 năm 2006

⁵ Hướng dẫn về cơ chế quản lý sử dụng thanh toán cho các dịch vụ môi trường rừng (Quyết định số 1853 / QĐ-PPC, ngày 18 tháng 8 năm 2015)

⁶ Chi phí cho tổ tuần tra bảo vệ rừng, mua sắm các công cụ và thiết bị cần thiết cho tổ tuần tra, bảo vệ và phòng chống cháy rừng, cây rừng, cây giống và phân bón để trồng rừng và làm giàu rừng.

⁷ Bản đồ hiện trạng rừng 2015 đã được Cục Kiểm lâm phê duyệt dựa trên bản đồ SPOT 5 cho năm 2015, 2016 và 2017 được xây dựng dựa trên bản đồ năm 2015 bằng các khảo sát thực địa.

Hình 1: Bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ công nhận diện tích được chi trả DVMTR 2015-2017



Bảng 4: Hiện trạng của diện tích rừng được chi trả DVMTR 2015-2017

(Đơn vị: ha)

Kiểu bản đồ	Rừng gỗ tự nhiên (nghèo)	Rừng gỗ tự nhiên phục hồi	Núi đá không cây	Rừng trồng	Tổng số	Tỷ lệ (%)
Năm 2015						
Hiện trạng rừng 2015 (Chi cục Kiểm lâm phê duyệt)	444	6.170	153	237	7.004	100
Diện tích chi trả DVMTR	4.630	1.846	-	225	6.701	96
Năm 2016						
Hiện trạng rừng 2016 (Chi cục Kiểm lâm phê duyệt)	444	6.170	152	264	7.030	100
Diện tích chi trả DVMTR	444	6.170	153	238	7.005	100
Năm 2017						
Hiện trạng rừng 2017 (Chi cục Kiểm lâm phê duyệt)	445	6.223	152	264	7.084	100
Diện tích chi trả DVMTR	443	6.273	152	149	7.017	99

Chi trả DVMTR và hiện trạng giao đất, giao rừng ở các bản mục tiêu của Dự án.

Theo dữ liệu của Quỹ BVPTTR tỉnh Sơn La trong 3 năm (2015-2017), diện tích rừng đủ điều kiện nhận chi trả DVMTR của xã Mường Giôn đã tăng 5% (tăng thêm 315 ha, nâng tổng diện tích được nhận chi trả lên 5.085 ha trong năm 2017) và tăng 35% về số tiền chi trả (626.277 triệu đồng) do tăng về diện tích được chi trả và tăng đơn giá trên mỗi ha (Bảng 5).

89% diện tích rừng được nhận chi trả DVMTR được phân bổ cho các cộng đồng bản có rừng (Bảng 6). Diện tích rừng được nhận chi trả DVMTR được giao cho mỗi bản không giống nhau, có bản được giao 1.026 ha (bản Kéo Ca), có bản chỉ được giao 106 ha (bản Cút). Ba bản của người H'Mông giao sở hữu 47% diện tích rừng được nhận chi trả DVMTR trong năm 2017 (Bảng 6). Mỗi hộ được phân bổ trung bình 2,3ha diện tích rừng được chi trả DVMTR.

Bảng 5: Diện tích rừng và mức chi trả DVMTR cho các bản mục tiêu của Dự án tại xã Mường Giôn (2015 - 2017)

TT	Tên bản	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 2017/2015
		Diện tích (ha)	Thành tiền (1.000 đ)	Diện tích (ha)	Thành tiền (1.000 đ)	Diện tích (ha)	Thành tiền (1.000 đ)	
1	Bo	565,73	152.181	497,75	145.841	615,48	213.263	49,75
2	Cha Cỏ	390,10	104.937	315,47	92.433	318,13	110.232	-71,97
3	Co Lúu	120,36	32.377	253,79	74.360	110,83	38.401	-9,53
4	Cút	373,55	100.485	194,16	56.889	147,01	50.939	-226,54
5	Giôn	385,93	103.815	368,32	107.918	358,43	124.195	-27,50
6	Huổi Ngà	421,87	113.483	627,97	183.995	620,34	214.948	198,47
7	Huổi Tèo	216,18	58.152	145,10	42.514	148,48	51.448	-67,70
8	Huổi Vắn	586,44	157.752	742,77	217.632	726,53	251.743	140,09
9	Xanh	398,25	107.129	363,27	106.438	440,23	152.540	41,98
10	Kéo Ca	719,91	193.656	1.025,85	300.574	1025,85	355.457	305,94
11	Khóp	224,33	60.345	309,20	90.596	331,95	115.019	107,62
12	Xa	96,97	26.085	248,06	72.682	241,28	83.604	144,31
Tổng 12 bản		4.499,62	1.210.398	5091,71	1.491.871	5.084,53	1.761.789	584,91

Ghi chú: Mức chi trả DVMTR cho lưu vực sông Đà tại tỉnh Sơn La lần lượt là 269.000 đồng/ha năm 2015, 293.000 đồng/ha năm 2016 và 346.500 đồng/ha vào năm 2017.

Nguồn: [5] dựa vào dữ liệu do Quỹ BVPTTR tỉnh Sơn La cung cấp.

Bảng 6: Chủ rừng và khu vực rừng được nhận chi trả DVMTR ở các bản mục tiêu của Dự án, xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La

TT	Tên bản	Dân tộc	Phân bổ theo chủ rừng			Tổng số
			Bản	Hộ gia đình		
			Diện tích (ha)	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	
1	Bo	Thái	539,8	56	75,7	615,50
2	Cha Có	Thái	284,0	21	34,2	318,20
3	Co Lú	Kháng	107,9	3	2,9	110,80
4	Cút	Thái	105,9	20	41,1	147,00
5	Giôn	Thái	340,2	17	18,3	358,50
6	Huổi Ngà	H'Mong	520,0	29	100,4	620,40
7	Huổi Tèo	Thái	106,4	14	42,1	148,50
8	Huổi Vãn	H'Mong	589,9	29	136,6	726,50
9	Xanh	Thái	359,7	27	80,5	440,20
10	Kéo Ca	H'Mong	1.025,9	0	0	1.025,90
11	Khóp	Thái	296,3	29	35,7	332,00
12	Xa	Thái	233,8	1	7,5	241,30
Tổng 12 bản			4.510,0	246	575	5.085,00
Tỷ lệ (%)			89,0		11	100
Phân bổ toàn xã			6.269,0	410	748	7.017,0

Nguồn: [5] Dựa vào dữ liệu do Quỹ BVPTTR tỉnh Sơn La cung cấp.

Chi trả DVMTR và Quỹ bản tại các bản mục tiêu của Dự án.

Chi trả DVMTR đã được thực hiện trong 3 năm từ năm 2016 đến 2018. Tiền DVMTR cho năm 2015 được chi trả trong năm 2016 và DVMTR năm 2016 và 2017 được chi trả trong năm 2018. Tất cả tiền chi trả DVMTR của các bản đều được gửi vào quỹ bản. Số tiền DVMTR chiếm 92% tổng số tiền thu được của quỹ bản từ năm 2016 đến 2018, cho thấy sự đóng góp đáng kể của tiền DMVMTR cho cộng đồng bản (Bảng 7).

Bảng 7: Doanh thu của quỹ bản của các bản mục tiêu giai đoạn 2016 - 2018

(Đơn vị: 1.000 đồng)

Nguồn thu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng số	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Chi trả DVMTR ¹	896.893	89,70	0	0,00	2.853.897	95,70	3.750.790	91,50
Dự án SNRM ² hỗ trợ	0	0,00	132.227	62,60	0	0,00	132.227	3,20
Bảo dưỡng hệ thống tưới tiêu ³	10.010	10,30	16.140	7,70	25.751	0,90	51.901	1,30
Bán tài sản ⁴	0	0,00	62.890	29,70	50.000	1,70	112.890	2,80
Khác ⁵	0	0,00	0	0,00	51.000	1,70	51.000	1,20
Tổng cộng	906.903	100	211.257	100	2.980.648	100	4.098.808	100,00

Ghi chú: 1: Tiền DVMTR năm 2015 được chi trả trong năm 2016. Tiền DVMTR năm 2016 và 2017 được chi trả trong năm 2018., 2: Những người nhận hỗ trợ của Dự án cam kết đóng góp một phần giá trị được hỗ trợ vào quỹ bản. Thu từ đóng góp của người dân cho công tác bảo trì hệ thống thủy lợi; (4): Bán nhựa thông và gỗ từ Dự án661 của 2 bản; (5) Cho thuê đất, tiền thưởng cho bản không có người nghiện ma túy, v.v.

Nguồn: [5] dựa vào thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn với trưởng bản.

Chi quỹ bản

Khoảng một phần ba số chi tiêu của quỹ bản trong giai đoạn 2016-2018 là dành cho phát triển nông thôn mới, sau đó là các hoạt động xã hội ở bản (28%) và chia cho các hộ để phát triển sinh kế (24%) (Bảng 8). Chi cho quản lý rừng là khoảng 13%, 7% cho tuần tra rừng và 6,3% cho phòng cháy chữa cháy rừng.

Bảng 8: Chi tiêu quỹ bản của các bản mục tiêu của Dự án, giai đoạn 2016 - 2018

(Đơn vị: 1.000 đồng)

Chi	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Tổng số	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nông thôn mới ¹	282.239	39,40	194.741	26,40	128.129	33,70	605.109	33,00
Tuần tra rừng ²	50.700	7,10	41.430	5,60	36.480	9,60	128.610	7,00

Phòng chống cháy rừng ³	69.650	9,70	27.966	3,80	18.660	4,90	116.276	6,30
Các hoạt động xã hội ⁴	163.949	22,90	160.197	21,70	194.820	51,20	518.966	28,30
Hỗ trợ người nghèo ⁵	0	0	12.300	1,70	0	0	12.300	0,70
Đóng góp cho UBND xã ⁶	0	0	7.700	1	0	0	7.700	0,40
Cho hộ nghèo vay ⁷	0	0	0	0	0	1	0	0,10
Chia cho các hộ trong bản ⁸	149.823	20,9	294.680	39,9	2.500	0	447.003	24,2
Tổng cộng	716.361	100	739.014	100	380.589	100	1.835.964	100

Ghi chú: 1: Mua vật liệu để xây dựng cơ sở hạ tầng nhỏ như đường làng bê tông, cống, đập thủy lợi, vv. 2: Trả chi phí hỗ trợ cho tổ tuần tra bảo vệ rừng. 3: Thực hành phòng cháy, chữa cháy bao gồm thiết lập đường băng cản lửa. 4: Chủ yếu cho sự kiện bản như lễ hội bản, Tết, tiếp khách, hội họp... (5): Chỉ có một bản thực hiện. 6: Chỉ có một bản thực hiện. 7: Chỉ có một bản thực hiện. 8: Phân bổ quỹ cho hộ gia đình để thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế tại hai bản của người H'Mông
 Nguồn: [5] thông tin từ các cuộc phỏng vấn với trưởng bản.

6. Bài học kinh nghiệm

Vai trò của chi trả DVMTR trong quản lý rừng: hiện trạng ngân sách thực hiện KHHĐ cấp tỉnh về REDD+

KHHĐ cấp tỉnh về REDD+ đưa ra một cơ chế toàn diện để thúc đẩy quản lý rừng bền vững với sự tham gia đa ngành. Kế hoạch cho thấy có tiềm năng lớn trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tăng/duy trì độ che phủ rừng, góp phần bảo vệ lưu vực cho các đập thủy điện và phòng chống thiên tai.

Theo ngân sách dự kiến chi cho các hoạt động của KHHĐ cấp tỉnh về REDD+ của tỉnh Sơn La, tiền chi trả DVMTR chiếm 27% kinh phí thực hiện KHHĐ, chiếm 100% kinh phí cho bảo vệ rừng và chiếm 78% kinh phí chi cho kiểm soát cháy rừng. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của tiền chi trả DVMTR trong quản lý rừng (Bảng 2). Kinh phí thực hiện của KHHĐ từ nguồn tiền chi trả DVMTR cao gấp đôi kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước; chi trả DVMTR đóng vai trò quan trọng trong việc bù đắp vào nguồn vốn công còn thiếu dùng cho công tác bảo vệ rừng. Cần phải xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí cụ thể hơn để sử dụng có hiệu quả nguồn tiền chi trả DVMTR.

Hiện trạng giao đất lâm nghiệp và phân bổ quỹ cho người nghèo ở nông thôn

Tại các bản mục tiêu của Dự án ở xã Mường Giôn, 89% diện tích rừng được nhận chi trả DVMTR

được giao cho các nhóm hộ gia đình trong bản (Bảng 6). 11% tiền chi trả DVMTR được trả trực tiếp cho từng hộ gia đình được giao quản lý bảo vệ rừng (trung bình 2,3 ha/hộ). Các trưởng bản gửi tiền chi trả DVMTR nhận được vào quỹ bản và sử dụng nguồn tiền này cho nhu cầu của cộng đồng (ví dụ: phát triển nông thôn mới, công tác xã hội). Tại một số bản được chi trả số tiền DVMTR lớn, một phần số tiền chi trả DVMTR còn được chia đều cho các hộ dân để họ phát triển sinh kế. Các chủ rừng được nhóm lại để tổ chức chi trả tiền DVMTR hiệu quả đã được thực hiện ở tỉnh Sơn La nhằm giảm bớt gánh nặng cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và khuyến khích quản lý rừng dựa vào cộng đồng [3].

Một câu hỏi đặt ra là liệu tiền chi trả DVMTR có đến được tay các hộ ở khu vực nông thôn hay không? [6]. Trong trường hợp của tỉnh Sơn La, tiền chi trả DVMTR rõ ràng đã đến được tay của các hộ gia đình tham gia trực tiếp vào quản lý bảo vệ rừng ở khu vực nông thôn thông qua bản. Cần lưu ý rằng bản không phải là cơ quan chính quyền có tư cách pháp lý vì Bộ luật dân sự năm 2005 không công nhận bản (hoặc cộng đồng) là một pháp nhân [6].

Những hạn chế và tiềm năng của cơ chế thanh toán

Từ 2016-2018 chi trả DVMTR đã được trả hai lần cho các bản mục tiêu: DVMTR năm 2015 được chi trả trong năm 2016, DVMTR năm 2016 được chi trả trong năm 2018. Năm 2017 không có chi trả DVMTR. Khó đoán trước được khi nào thì tiền DVMTR được chi trả cho người dân, vì thế người dân cũng gặp khó trong việc lên kế hoạch sử dụng nguồn tiền chi trả DVMTR. Cần phải hoàn thiện quy trình điều chỉnh diện tích rừng đúng hạn và thực hiện chi trả định kỳ hàng năm để người dân có thể lên kế hoạch phù hợp. Theo thông tin từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sơn La, việc hoàn thiện quy trình được tăng tốc vào năm 2020; do đó, dự kiến rằng tình hình sẽ sớm được cải thiện (trao đổi thông tin qua kênh cá nhân, 2019).

Tính đến thời điểm chi trả DVMTR năm 2018 (tiền DVMTR năm 2018 không được thanh toán kể từ tháng 10 năm 2019), tiền DVMTR được thanh toán bằng tiền mặt từ văn phòng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp huyện cho các chủ rừng. Việc chi trả qua tài khoản ngân hàng sẽ đảm bảo tính minh bạch và giúp tiết kiệm thời gian.

Sự chênh lệch giữa diện tích rừng thực tế được nhận chi trả và diện tích rừng đạt tiêu chuẩn để được chi trả DVMTR năm 2016 đã giảm xuống so với năm 2015. (Hình 1, Bảng 4). Để có thông tin về trạng thái rừng cập nhật hơn, một phương pháp có thể được áp dụng để nhận biết sự thay đổi trạng thái rừng hiện tại nhằm phản ánh chính xác hơn số tiền cần để chi trả DVMTR (ví dụ: sử dụng hình ảnh vệ tinh có độ phân giải cao miễn phí trong các mùa khác nhau để đánh giá hiện trạng rừng trong năm).

Ban quản lý bản đóng vai trò kết nối chi trả DVMTR với quản lý rừng

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững hỗ trợ tạo cơ chế quản lý rừng cấp bản: 1) thành lập BQLPTSK, 2) xây dựng hương ước quản lý bảo vệ rừng cấp bản, 3) thành lập quỹ bản để hỗ trợ các hoạt động của bản (quản lý rừng, phát triển sinh kế và xã hội) với nguồn đóng góp lấy từ chi trả

DVMTR, và 4) thành lập tổ tuần tra bảo vệ rừng, tập huấn kỹ thuật cho các thành viên trong tổ để họ thực hiện công việc tuần tra rừng. Chi trả DVMTR chiếm 92% tổng ngân sách của quỹ bản (Bảng 7).

Sử dụng tiền chi trả DVMTR cho hoạt động trồng rừng

Xã Mường Giôn và 12 bản mục tiêu của Dự án có tiềm năng trồng rừng lớn vì diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng còn nhiều (DT1).

Dự án hỗ trợ trồng rừng (thông mã vĩ với 94,6 ha tại bốn bản gồm: bản Co Lú, bản Huổi Tèo, bản Khóp, và bản Xa) thông qua việc cung cấp thiết kế trồng rừng, cây giống, đào tạo kỹ thuật; người dân đóng góp công lao động. Mặc dù hoạt động này không được dân bản tự nguyện nhân rộng vì có thể do chu kỳ trồng dài (15 năm hoặc lâu hơn), tuy nhiên hiệu quả của hoạt động này được chứng minh là cao hơn so với chương trình khác. Lý do là vì Dự án đã không chỉ lựa chọn cẩn thận cây giống trước khi giao cho người dân, thực hiện theo dõi các hoạt động chăm sóc cây trồng của người dân mà còn có cả sự mong đợi của chính người dân về việc sẽ được nhận chi trả DVMTR trong một vài năm sắp tới vì Dự án cũng hỗ trợ hoàn thiện cơ chế để chi trả DVMTR cho người dân bản [7].

Theo hướng dẫn của UBND tỉnh Sơn La về cơ chế quản lý chi trả DVMTR tối thiểu 40% được chi cho 1) hoạt động tuần tra bảo vệ và phòng chống cháy rừng, 2) mua sắm các công cụ cần thiết và 3) mua cây giống, phân bón và làm giàu rừng. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2018, 13,3% quỹ bản (14% tiền DVMTR) được sử dụng cho quản lý rừng (tuần tra rừng chiếm 7% và phòng cháy chữa cháy rừng chiếm 6,3%) nhưng không chi cho cây giống và làm giàu rừng (Bảng 8). Mô hình trồng rừng do Dự án hỗ trợ có thể giúp giải quyết thách thức thiếu hụt ngân sách do nhà nước cấp, bên cạnh đó còn hỗ trợ phát triển rừng trồng bền vững hơn vì mô hình này làm nổi bật hơn tính sở hữu của người dân và những nỗ lực của họ có thể giúp họ được nhận chi trả DVMTR. Tuy nhiên, cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể và kế hoạch trồng rừng có sử dụng tiền chi trả DVMTR⁸ .

Sử dụng tiền DVMTR cho sản xuất nông lâm kết hợp và lâm sản ngoài gỗ

Việc thúc đẩy hình thức canh tác sử dụng đất bền vững là hoàn toàn cần thiết để bảo vệ lưu vực. Dự án đã hỗ trợ xây dựng 15 mô hình trình diễn nông lâm kết hợp (cây ăn quả trên đường đồng mức (Sơn tra ghép), trám đen ghép, nhãn, vải, bưởi, xoài ghép, cà phê, mận và trồng cỏ cùng với cây trồng xen ngắn ngày trên đất nông nghiệp dốc và một mô hình sản xuất lâm sản ngoài gỗ; Sa nhân (trồng dưới tán rừng tự nhiên) tại mười bản. Dân bản có kế hoạch mở rộng các mô hình trồng sơn tra, nhãn /xoài, cà phê và sa nhân bằng vốn tự đầu tư của mình (Huổi Tèo, Cút, Tông Bua và Huổi Ngà) vì các mô hình này bước đầu được đánh giá là thành công với tiềm năng cải thiện sinh kế trong thời gian ngắn [8]. Mặc dù phần lớn tiền DVMTR được trả cho cộng đồng chứ không phải trả riêng cho từng hộ gia đình riêng lẻ, chi trả DVMTR cho các bản có thể giúp việc nhân rộng các mô hình này dễ dàng hơn thông qua việc giao cho từng hộ thực hiện (làm giàu rừng tự nhiên với trồng sa

⁸ Rừng trồng thông được phát triển thông qua Dự án 661 với nhựa thông khai thác và thu hoạch sau 10 hoặc 12 năm ở một số bản, nhưng không mang lại lợi nhuận cao cho các chủ rừng.

nhân dưới tán rừng tại các bản người H'Mông có rừng tự nhiên lớn), với địa điểm cụ thể và sản phẩm có giá trị cao (Sơn tra ghép trồng ở độ cao lớn như tại bản Huồi Tèo) dễ bán ra thị trường (xoài ghép/nhãn trồng trên đường đồng mức tại bản Cút). Chi trả DVMTR kết hợp với việc thể hiện thành công các hình thức canh tác sử dụng đất bền vững với chi phí thấp, mang lại giá trị cao, cạnh tranh và luân canh ngắn hạn có thể tạo điều kiện quản lý đất tốt hơn cho người dân địa phương.

Chi trả DVMTR có thể tạo ra động lực làm tăng diện tích rừng không?

Do không sử dụng hệ số K trong xem xét, đánh giá các loại rừng để thực hiện chi trả DVMTR, nên số tiền chi trả DVMTR bằng nhau trên một đơn vị diện tích tất cả các loại rừng. Do đó, khu vực khoanh nuôi tái sinh không có rừng có thể đủ điều kiện để nhận chi trả DVMTR nhanh hơn bằng cách can thiệp lâm sinh và trồng một số lượng nhỏ cây (Khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung). Dự án đã hỗ trợ việc khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên có trồng bổ sung do người dân tình nguyện tham gia thực hiện. Tại bản Huồi Ngà, dân bản đã đóng góp 1.520 ngày công để thực hiện các biện pháp can thiệp kỹ thuật khoanh nuôi thành rừng. Kết quả là 124,8 ha đất rừng (67 ha ở bản Huồi Ngà) đã trở thành một khu rừng đủ điều kiện để nhận chi trả DVMTR. Điều này cho thấy cơ chế chi trả DVMTR có thể khuyến khích dân làng tham gia để phát triển rừng mới có đủ điều kiện nhận chi trả.

7. Kết luận

Chi trả DVMTR được thực hiện tại Việt Nam như một cơ chế dựa trên thị trường để khuyến khích bảo vệ rừng nơi có lưu vực phục vụ trực tiếp cho các đập thủy điện. Tài liệu nghiên cứu điển hình này cho thấy chi trả DVMTR đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ rừng và kiểm soát các vụ cháy rừng cũng như phát triển sinh kế và hỗ trợ xã hội cho người dân nông thôn.

Kinh nghiệm của Dự án cho thấy một cơ quan quản lý rừng có chức năng quản lý rừng hoạt động tốt khi được thực hiện lồng ghép với các quy định về quản lý, bảo vệ rừng kết hợp với hỗ trợ sinh kế và quỹ bản, lấy tiền chi trả DVMTR làm nguồn phát triển và bảo vệ rừng cốt lõi. Mặc dù cơ chế chi trả DVMTR vẫn còn chưa hoàn thiện và Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững chỉ là một cơ sở thí điểm, nhưng dễ nhận thấy rằng chi trả DVMTR có tiềm năng trong việc tạo ra những tác động lớn hơn nhiều đối với quản lý rừng ở cấp bản.

Để chi trả DVMTR có thể tạo ra tác động lớn hơn đối với quản lý rừng thì việc tăng cường đánh giá hiện trạng rừng, chi trả DVMTR định kỳ, áp dụng cơ chế chi trả DVMTR cho người dân và giới thiệu các mô hình sản xuất với chi phí thấp, mang lại giá trị cao, thực hành các biện pháp sử dụng đất luân canh ngắn hạn trong các điều kiện khác nhau được người dân chấp nhận cần được khuyến nghị để thực hiện.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam (VNFN) (2014) Chi trả DVMTR tại Việt Nam: Kết quả ba năm thực hiện.
- [2] Kế hoạch hành động “Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, và vai trò của bảo tồn, quản lý rừng bền vững và tăng cường trữ lượng các-bon rừng ở các nước đang phát triển” của tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- [3] Phạm Thu Thủy, Lê Ngọc Dũng, Vũ Tân Phương, Nguyễn Hoàng Tiệp, Nguyễn Văn Trường. (2016) “Giao đất lâm nghiệp và chi trả dịch vụ môi trường rừng ở bốn tỉnh Tây Bắc: Từ chính sách đến thực tiễn” SNRM/ JICA.
- [4] Phạm Văn Hùng, Vũ Văn Tuấn, Vũ Đình Thắng. (2019) Báo cáo đánh giá: Hợp phần phụ - Hoạt động thí điểm tại tỉnh Sơn La. SNRM/ JICA.
- [5] Phạm Văn Hùng, Vũ Văn Tuấn (2019) Nghiên cứu điển hình: Quản lý và sử dụng quỹ bản có sự đóng góp của quỹ chi trả DVMTR. Tỉnh Sơn La. SNRM/ JICA.
- [6] Diana Suhardiman, Dennis Doeselns, Guilanume Lestrelin, Chu Thái Hoành. (2013) Chi trả DVMTR tại Việt Nam: Ưu đãi dựa trên thị trường hay kiểm soát tài nguyên của nhà nước? Dịch vụ môi trường. 5 94-101.
- [7] Vũ Văn Tuấn, Phạm Văn Hùng. (2019-2) Nghiên cứu điển hình mang so sánh cho mô hình trồng rừng. Tỉnh Sơn La. SNRM/ JICA.
- [8] Vũ Văn Tuấn, Phạm Văn Hùng. (2019-1) Nghiên cứu điển hình: Mô hình nông lâm kết hợp. Tỉnh Sơn La. SNRM/ JICA.